

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1571

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một hình chữ nhật có hai kích thước 4 và 3. Độ dài đường chéo bằng:

A. 1

B. 11

C. 2

D. 5

Câu 2: Phân tích đa thức $x^2 + 2x + 1$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)^2$ B. $(x - 1)^2$ C. $(x + 1)(x - 1)$ D. $x(x + 2)$ **Câu 3:** Trong khai triển $(x + 5)^2 = x^2 + bx + 5^2$, hệ số b bằng:

A. 15

B. 10

C. 19

D. 12

Câu 4: Phân tích đa thức $x^3 - 8$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 2)(x^2 + 2x + 4)$ B. $(x - 2)(x^2 + 4)$ C. $(x - 2)^3$ D. $(x - 2)(x^2 - 2x + 4)$ **Câu 5:** Thu gọn $3x^2 + 2x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng:

A. 5

B. -1

C. 2

D. 13

Câu 6: Phân tích đa thức $x^2 + 8x + 12$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 2)(x + 6)$ B. $(x - 2)(x - 6)$ C. $(x + 2)^2$ D. $x(x + 8)$ **Câu 7:** Phân tích đa thức $x^2 + 4x + 3$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 1)(x - 3)$ B. $(x + 1)(x + 3)$ C. $(x + 1)^2$ D. $x(x + 4)$ **Câu 8:** Phân tích đa thức $x^2 - 2x + 1$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 1)^2$ B. $x(x - 2)$ C. $(x + 1)^2$ D. $(x - 1)(x + 1)$ **Câu 9:** Hệ số tự do trong khai triển $(x - 5)^2$ bằng:

A. 25

B. 22

C. 30

D. 32

Câu 10: Trong khai triển $(x + 8)^2 = x^2 + bx + 8^2$, hệ số b bằng:

A. 23

B. 16

C. 9

D. 8

Câu 11: Bậc của đơn thức $5x^5y^3$ là:

A. 8

B. 10

C. 3

D. 9

Câu 12: Phân tích đa thức $x^3 - 64$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 4)(x^2 - 4x + 16)$

B. $(x - 4)^3$

C. $(x - 4)(x^2 + 4x + 16)$

D. $(x - 4)(x^2 + 16)$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Hệ số tự do trong khai triển $(x - 2)^2$ bằng: Trả lời:

Câu 2: Trong khai triển $(x + 9)^2 = x^2 + bx + 9^2$, hệ số b bằng: Trả lời:

Câu 3: Thu gọn $3x^2 + 4x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 4: Thu gọn $3x^2 + 5x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

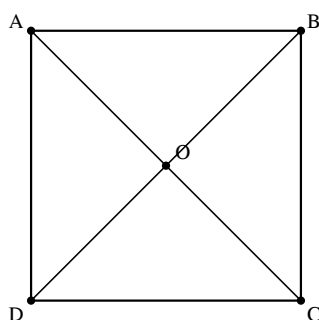
Câu 5: Bậc của đơn thức $5x^4y^2$ là: Trả lời:

Câu 6: Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = BC$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O .

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình vuông.

b) Chứng minh AC vuông góc với BD.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

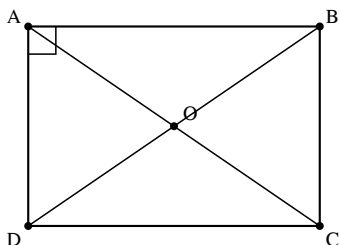


Câu 7: Cho hình bình hành ABCD có góc $A = 90^\circ$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $OA = OB = OC = OD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 8
(Đợt 2) — Đề số 10

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	B	A	A	A	B	A	A	B	A	C

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	4	18	7	8	6	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*